

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/HS-ST

Ngày: 23/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Anh
Bà Tạ Thị Thà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồng Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Hoàng N, sinh năm 1984; Nơi thường trú: phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T (sinh năm 1958) và bà: Liêu Thị P (sinh năm 1959); Có 01 con sinh năm 2011; Danh chỉ bản số 112, lập ngày 11/3/2024 tại Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam: từ ngày 02/3/2024; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: huyện Đ, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: 194/7 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

- Bà **Liêu Thị P**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: 13 N, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2018, anh Dương Văn H có nguyện vọng xin vào làm bộ phận điều dưỡng tại Bệnh viện Bạch Mai. Lúc này bạn anh H là Đoàn Đình Đ1 (sinh năm 1996; địa chỉ: Kim Bảng, Hà Nam) nói rằng có người trong bệnh viện có khả năng xin được việc cho người ngoài vào Bệnh viện Bạch Mai. Khoảng vài ngày sau, anh Đ1 cho anh H số điện thoại của Phạm Hoàng N. Anh H có nhờ anh họ anh H là anh Nguyễn Văn Đ liên lạc với N hộ anh H. Qua trao đổi thì anh Đ được N bảo rằng N có bác làm ở Bộ Y tế và đang có 02 suất ngoại giao vào Bệnh viện Bạch Mai và mỗi suất là 400 triệu đồng. Mặc dù N chỉ là cán bộ, nhân viên Trung tâm Huyết học và Truyền máu Bệnh viện Bạch Mai, không có chức năng, nhiệm vụ xin việc cho người khác nhưng N vẫn đưa ra thông tin có bác làm ở Bộ Y tế (thông tin không có thực) để tạo niềm tin cho anh Đ. Sau đó N hẹn anh Đ tại quán Café gần Bệnh viện Bạch Mai để trao đổi trực tiếp. Chiều cùng ngày, anh Đ ra quán Café thì N nói phải đặt cọc trước 50 triệu đồng tiền giữ suất. Sau đó anh Đ về trao đổi với anh H thì anh H đồng ý và nhờ anh Đ đứng ra để giao tiền cho N. Ngày 23/3/2018, anh H giao cho N số tiền 50 triệu đồng đặt cọc tại nhà N (có mặt anh H và anh Đ có giấy biên nhận tiền của N). Ngày 11/4/2018, anh H thông qua anh Đ giao thêm cho N 150 triệu đồng tại nhà N (anh Đ giao có giấy biên nhận tiền của N). Ngày 20/4/2018, anh H thông qua anh Đ giao thêm 170 triệu cũng tại nhà N (anh Đ giao có giấy biên nhận tiền của N). Ngày 23/4/2018, anh H thông qua anh Đ giao thêm 30 triệu đồng cũng tại nhà N. Tất cả các lần giao tiền đều tại nhà của N ở C, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và có giấy biên nhận tiền của N ký xác nhận. Tổng số tiền giao cho N để xin việc là 400 triệu đồng. Anh H chờ đợi đến tháng 6/2019 vẫn chưa được đi làm nên anh H gọi cho N thì N liên tục khất lần, do N vẫn chưa trả được tiền cho anh H và không liên lạc được với N nên anh H làm đơn trình báo đến cơ quan công an quận Hoàng Mai.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ: Thu giữ của anh Dương Văn H: 01 Giấy biên nhận ngày 23/3/2018; 01 Giấy nhận tiền ngày 11/4/2018; 01 Giấy nhận tiền ngày 23/4/2018.

Tại Kết luận giám định số 403/KLGD-PC09-Đ4 ngày 12/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Hoàng N trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Hoàng N trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Do Phạm Hoàng N bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 24/11/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai đã ra Quyết định truy nã bị can số 10/QĐTN-CQĐT và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 100/QĐ-CQĐT, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 17/QĐ-CQĐT đối với Phạm Hoàng N. Đến ngày 02/3/2024, Phạm Hoàng N đến công an quận Hoàng Mai đầu thú. Tại cơ quan điều tra, Phạm Hoàng N khai nhận toàn bộ hành vi nhận số

tiền 400 triệu đồng để xin việc cho anh Dương Văn H vào làm việc tại Bệnh viện Bạch Mai. Ngoài ra, N khai sau khi nhận số tiền 400 triệu đồng xin việc cho anh H thì N đã chuyển toàn bộ số tiền này cho chị Nguyễn Thị Lan A (sinh năm 1975; Nơi thường trú: L, phường B, quận H, thành phố Hà Nội) là giáo viên dạy Tiếng Anh để xin việc cho anh H vào Bệnh viện Bạch Mai (qua chuyển khoản và trực tiếp), N giới thiệu xin việc với chị Lan A thì N sẽ nhận được một phần quà từ chị Lan A (chưa nói rõ là quà gì).

Kết quả xác minh tại nơi làm việc của Phạm Hoàng N, xác định: Phạm Hoàng N là nhân viên Trung tâm Huyết học và Truyền máu Bệnh viện Bạch Mai và làm việc từ năm 2005 đến ngày 02/6/2020, N không có chức năng, nhiệm vụ xin việc cho người khác vào làm tại Bệnh viện Bạch Mai. Ngày 02/6/2020 Phạm Hoàng N đã có quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức của Bệnh viện Bạch Mai.

Đối với lời khai của Phạm Hoàng N về việc sau khi nhận số tiền 400 triệu đồng xin việc cho anh H đã chuyển toàn bộ cho chị Nguyễn Thị Lan A là giáo viên dạy Tiếng Anh để xin việc cho anh H vào Bệnh viện Bạch Mai. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Chị Lan A có quen biết Phạm Hoàng N qua nhiều mối quan hệ xã hội. Chị không có khả năng xin việc vào Bệnh viện Bạch Mai và N chưa từng chuyển khoản tiền hoặc đưa tiền mặt cho chị Lan A để xin việc cho ai.

Qua xác minh tài khoản của N không thể hiện việc chuyển khoản tiền xin việc của anh H cho chị Lan A và không có tài liệu nào thể hiện N chuyển tiền mặt cho chị Lan A để xin việc cho anh H. Do đó, lời khai của Phạm Hoàng N về việc chuyển tiền cho chị Lan A để lo xin việc cho anh H vào làm việc tại Bệnh viện Bạch Mai là không có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Liêu Thị P là mẹ đẻ của Phạm Hoàng N đã trả cho anh Dương Văn H số tiền 200 triệu đồng để khắc phục hậu quả thay cho N. Anh H yêu cầu N phải bồi thường nốt số tiền 200 triệu đồng còn lại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N.

Tại Bản cáo trạng số 162/CT-VKS-HM ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố Phạm Hoàng N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa: bị cáo Phạm Hoàng N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai

Bị hại là anh Dương Văn H xác nhận bà Liêu Thị P là mẹ bị cáo Phạm Hoàng N đã trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng, nay anh Dương Văn H yêu cầu bị cáo N phải trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng còn lại mà N đã chiếm đoạt. Ngoài ra, anh yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho anh khoản tiền lãi của số tiền N chiếm đoạt do gia đình anh phải đi vay và trả lãi Ngân hàng từ tháng 5/2018 đến nay số tiền là 240.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Liêu Thị P xác nhận bà đã trả cho anh Dương Văn H số tiền 200.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu bị cáo Phạm Hoàng N phải trả lại cho bà số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên nội dung truy tố đối với Phạm Hoàng N như tội danh và điều khoản đã viện dẫn tại cáo trạng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo; đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả; đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Hoàng N với mức hình phạt từ 10 năm tù đến 11 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2024; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Văn H số tiền là 200 triệu đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền lãi suất là 240 triệu đồng; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do biết anh Dương Văn H có nguyện vọng xin vào làm việc tại Bệnh viện Bạch Mai. Mặc dù Phạm Hoàng N không có chức năng xin việc, nhưng Phạm Hoàng N đã đưa ra thông tin gian dối tự giới thiệu bản thân có khả năng xin việc cho anh Dương Văn H vào làm ở Bệnh viện Bạch Mai. Do tin tưởng vào lời giới

thiệu của N nên anh H đã đồng ý nhờ N xin việc làm cho anh H nên từ ngày 23/3/2018 đến ngày 23/4/2018 tại địa chỉ C, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, anh H đã nhiều lần chuyển cho N với tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N viết giấy nhận tiền để anh H tin tưởng, nhưng không thực hiện xin việc như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng và bỏ trốn.

Xét thấy, hành vi của bị cáo Phạm Hoàng N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất lòng tin trong nhân dân, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, trị giá tài sản mà bị cáo lừa và chiếm đoạt được là 400.000.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn mục đích có tiền chi tiêu cho bản thân, mặc dù bị cáo không có chức năng và cũng không có khả năng xin việc, nhưng bị cáo vẫn cố ý đưa ra những thông tin gian dối nhằm tạo lòng tin có khả năng xin việc nhằm chiếm đoạt tiền của người khác. Hành vi của bị cáo Phạm Hoàng N đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Phạm Hoàng N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoàng N thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; bị cáo đầu thú; đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường trả lại một phần tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Phạm Hoàng N chiếm đoạt của anh Dương Văn H số tiền 400.000.000 đồng. Bị hại là anh Dương Văn H xác nhận gia đình bị cáo Phạm

Hoàng N đã trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng, nay anh Dương Văn H yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng còn lại mà N đã chiếm đoạt. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo N đã chiếm đoạt của bị hại, hiện tại bị cáo chưa bồi thường nên cần buộc bị cáo Phạm Hoàng N phải trả cho anh Dương Văn H số tiền là 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Dương Văn H yêu cầu N phải bồi thường cho anh số tiền lãi suất là 240 triệu đồng do gia đình anh phải đi vay và trả lãi Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu này của anh H không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

- Bà Liêu Thị P là mẹ đẻ bị cáo N đã trả cho bị hại là anh Dương Văn H số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, bà P tự nguyện và không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Đối với lời khai của bị cáo Phạm Hoàng N về việc chuyển toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng của anh H cho chị Nguyễn Thị Lan A là giáo viên dạy Tiếng Anh để xin việc cho anh H vào Bệnh viện Bạch Mai. Chị Lan A không thừa nhận lời khai này của N. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của N không có tài liệu nào thể hiện N chuyển tiền xin việc của anh H cho chị Lan A để xin việc cho anh H vào Bệnh viện Bạch Mai nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai không có căn cứ để xem xét xử lý là đúng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng N 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Hoàng N.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Hoàng N phải trả cho bị hại là anh Dương Văn H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bà Liêu Thị P đã trả cho bị hại là anh Dương Văn H số tiền 200.000.000 đồng thay cho bị cáo N và không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Hoàng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND, VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Hoàng Mai;
- Nhà tạm giữ - Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh